TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/DS-ST
Ngày: 12-8-2024
"V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Dũng
2. Ông Nguyễn Viết Thanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 338/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024, về việc *"Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN S;

Trụ sở chính: Số 128, Nguyễn D, phường B, thành phố V, tỉnh N. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông K – Chức vụ - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thanh L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 09, đường T, tổ 10, khóm 2, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Phan Ngọc N, sinh năm 1996;

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, ấp Tt, xã T, thành phố C, tỉnh Đ.

(Chị L có mặt, ông N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Cổ phần S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần S yêu cầu ông Phan Ngọc N thanh toán cho Công ty Cổ phần S tạm tính đến ngày 02/12/2023 là 25.742.323 đồng, trong đó tiền gốc 9.152.981 đồng, tiền lãi trong hạn 3.557.459 đồng, tiền lãi quá hạn 64.790 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe 12.967.093 đồng. Và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất, phí phát sinh theo Hợp đồng cầm cố

CLM201001006NA19X ngày 03/10/2020 và Giấy mượn xe ngày 03/10/2020 kể từ ngày 25/11/2023 cho đến khi thanh toán xong.

Đến ngày 16/5/2024, Công ty Cổ phần S có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Phan Ngọc N thanh toán tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe số tiền 12.967.093 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Ngọc N không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa,

- *Chị Trần Thanh L trình bày:* Tính đến ngày 12/8/2024, ông Phan Ngọc N chưa thanh toán nợ vay và lãi cho Công ty Cổ phần S theo Hợp đồng cầm cố CLM201001006NA19X ngày 03/10/2020, cụ thể như sau: Nợ gốc 9.152.981 đồng, lãi trong hạn 1,1%/tháng từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 06/01/2021 đến ngày 03/10/2021 là 270 ngày số tiền 906.145 đồng, lãi quá hạn 1,65%/tháng từ ngày 04/10/2021 đến ngày 12/8/2024 là 1.043 ngày số tiền 5.250.608 đồng .

Tổng cộng nợ gốc, lãi và lãi quá hạn là 15.309.734 đồng (Trong đó, nợ gốc 9.152.981 đồng, lãi trong hạn 906.145 đồng và lãi quá hạn 5.250.608 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cầm cố cho đến khi thi hành xong.

Đối với tài sản cầm cố do bị đơn đang quản lý sử dụng và các thỏa thuận khác liên quan đến hợp đồng cầm cố, hợp đồng mượn tài sản nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nguyên đơn rút yêu cầu đối với yêu cầu ông Phan Ngọc N thanh toán tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe số tiền 12.967.093 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự - Hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 309 Bộ luật dân sự. Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 03/10/2020 giữa Công ty Cổ phần S và ông Phan Ngọc N có ký kết hợp đồng cấm cố tài sản để vay số tiền 11.400.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn cầm cố 12 tháng (từ ngày 03/10/2020 đến ngày 03/10/2021), lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tính đến ngày 05/01/2021 ông N chỉ trả được gốc 2.247.019 đồng và lãi 359303 đồng. Ông N còn nợ số tiền gốc 9.152.981 đồng, lãi trong hạn 906.145 đồng, lãi quá hạn 5.250.608 đồng.

Tổng cộng nợ gốc, lãi và lãi quá hạn là 15.309.734 đồng.

[3] Hợi đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng cầm cố CLM201001006NA19X ngày 03/10/2020 giữa Công ty Cổ phần S và ông Phan Ngọc N là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, thông qua hợp đồng cầm cố để thực hiện vay tài sản và lãi suất thỏa thuận vay tài sản phù hợp với quy định tại các Điều 309, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần S đã giao đủ tiền cho bị đơn nhưng bị đơn đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Do đó Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền vay và lãi còn nợ theo thỏa thuận của hợp đồng cầm cố là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Phan Ngọc N thanh toán cho Công ty Cổ phần S số tiền là 15.309.734 đồng (Trong đó, nợ gốc 9.152.981 đồng, lãi trong hạn 906.145 đồng và lãi quá hạn 5.250.608 đồng) và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cầm cố cho đến khi thi hành xong.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu ông Phan Ngọc N thanh toán tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe số tiền 12.967.093 đồng.

[5] Đối với tài sản cầm cố do bị đơn đang quản lý cũng như các thỏa thuận khác có liên quan đến hợp đồng cầm cố, hợp đồng mượn tài sản nguyên đơn không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 309, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S. Buộc ông Phan Ngọc N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền 15.309.734 đồng (Trong đó, nợ gốc 9.152.981 đồng, lãi trong hạn 906.145 đồng và lãi quá hạn 5.250.608 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố CLM201001006NA19X ngày 03/10/2020.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S, đối với yêu cầu ông Phan Ngọc N thanh toán tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe số tiền 12.967.093 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 644.000 đồng theo biên lai số 0009607 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Ông Phan Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 765.500 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ong Thị Ngọc Tâm